

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/DS -ST

Ngày: 10-10-2025

*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Hiếu**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1/ Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1963. (có mặt)

2/ Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1967. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

1/ Bà **Đỗ Kim L**, sinh năm 1969. (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn P, bà Lê Thị N cùng trình bày:

Vào ngày 20/11/2014 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Kim L vay số nợ là 01 cây vàng 24k, giá vàng tại thời điểm vay là 4.500.000đ/chỉ vàng 24k. Vợ chồng ông D và bà L vay để đóng tiền cho con trai đi lao động Nhật Bản và hẹn sau khi con trai ông bà đi làm về nước sẽ trả lại 01

cây vàng 24k cho ông bà. Khi vay vàng của ông bà thì ông D và bà L có viết giấy tay ký xác nhận có vay vợ chồng ông bà là 01 cây vàng 24k vào ngày 20/11/2014. Vợ chồng ông bà có giao 01 cây vàng trực tiếp cho vợ chồng ông D và bà L tại nhà ông bà, không có người làm chứng. Sau đó vợ chồng ông D và bà L có thực hiện đóng lãi cho ông bà được liên tục trong 01 năm đầu: 12 tháng từ 12/12/2014 đến 20/11/2015 với số tiền là 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng*) tức là 400.000đ/01 tháng. Về sau, vợ chồng ông D và bà L không thực hiện đóng lãi cho ông bà nữa với lý do là không có tiền, trong khi đó vợ chồng ông D và bà L vẫn thừa sức nuôi tiếp người con khác (ngoài người con đi lao động Nhật Bản) đi học đại học trường danh tiếng ở Tp.HCM với học phí cao. Đồng thời sau khi người con đi lao động ở Nhật Bản về nước mà ông D và bà L không thực hiện lời hứa là trả lại số nợ trên cho ông bà.

Ông bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D và bà L trả lại số vàng đã nợ ông bà nhưng ông D và bà L vẫn một mực không giải quyết nợ nần cho ông bà. Xét thấy vợ chồng ông D và bà L đã vay vàng của ông bà thời gian quá lâu (11 năm) mà không trả. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long giải quyết buộc vợ chồng ông D và bà L trả lại 01 cây vàng 24k cho ông bà và không cần trả lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Trước kia, anh và bà Đỗ Kim L là vợ chồng hợp pháp. Nhưng vào năm 2017, ông và bà Đỗ Kim L đã chính thức ly hôn – Theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn (số 309/2017/QĐST-HNGĐ) của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn vào ngày 26/12/2017.

Theo Quyết định ly hôn thì phần nợ chung là không có – không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thế nhưng từ sau khi ông và bà L ly hôn cho đến nay thời gian đã kéo dài hơn 07 năm. Đến nay (vào tháng 7/2025), vợ chồng ông Võ Văn P và bà Lê Thị N lại đệ đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 4 để đòi tài sản buộc tôi và bà Đỗ Kim L phải trả số nợ 01 cây (mười chỉ) vàng 24k.

Việc lúc còn trong thời gian hôn nhân, bà Kim Loan có hỏi vay số nợ nêu trên của vợ chồng bà N và ông P là nhằm vào mục đích cần tiền đóng cho con chung đi lao động nước ngoài - Điều này bà L có bàn bạc với ông, ông biết. Việc vay vàng này, vợ chồng bà N ông P trao cho bà Kim Loan vào lúc nào và ở tại đâu thì ông cũng không biết (ông hoàn toàn không có nhận vàng). Ngay thời điểm cho vay vàng này ông cũng không hề có ký giấy nợ gì với vợ chồng bà N ông P.

Sau khi vay nợ thì những tháng về sau bà L (là vợ ông lúc ấy) đều có yêu cầu ông mang tiền đóng lãi đều đặn cho bà N ông P được 12 tháng (01 năm đầu: từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2015) với tổng số tiền lãi là 4.800.000đ. Về sau, kinh tế gặp khó khăn (trồng cam bị thua lỗ) nên ông và bà L không khả năng đóng lãi tiếp được.

Sang đến cuối năm 2017, ông và bà L ly hôn nhưng ông cũng không rõ là bà L đã có trả hết số nợ này cho vợ chồng ông P, bà N hay chưa mà không hề nghe ông P, bà N nhắc đòi nợ và trong việc ly hôn bà L cũng không đề cập đến phần nợ chung này để yêu cầu ông có trách nhiệm trả chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn P, bà Lê Thị N cùng trình bày: Yêu cầu bà Đỗ Kim L và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số vàng vay còn nợ vốn 01 cây vàng 24k.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Trước đây ông và bà L là vợ chồng nhưng ông bà đã ly hôn năm 2017. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý trả cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k, phần bà L thì bà L có nghĩa vụ trả. Đối với số tiền lãi 4.800.000đ ông và bà L đã đóng lãi cho nguyên đơn thì ông không yêu cầu cần trừ lại.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có địa chỉ cư trú ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số vàng vay còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về đòi lại tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025) thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn bà Đỗ Kim L được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 20/11/2014, ông Võ Văn P và bà Lê Thị N có cho ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Kim L vay 01 cây vàng 24k, lãi suất 400.000đ/tháng. Sau khi vay ông D, bà L trả lãi được 12 tháng thì ngưng. Ông D cũng thừa nhận trong thời gian hôn nhân, bà L có hỏi vay số nợ nêu trên của vợ chồng bà N và ông P là nhằm vào mục đích cần tiền đóng cho con chung đi lao động nước ngoài, bà L có bàn bạc với ông, ông biết. Việc vay vàng này, vợ chồng bà N ông P trao cho bà L vào lúc nào và ở tại đâu thì ông cũng không biết (ông hoàn toàn không có nhận vàng). Sau khi vay nợ thì những tháng về sau bà L đều có yêu cầu ông mang tiền đóng lãi đều đặn cho bà N, ông P được 12 tháng (01 năm đầu: từ tháng

12/2014 đến tháng 11/2015) với tổng số tiền lãi là 4.800.000đ. Về sau, kinh tế gặp khó khăn (trồng cam bị thua lỗ) nên ông và bà L không khả năng đóng lãi tiếp được. Nguyên đơn có cung cấp biên nhận nợ ngày 20/11/2014, bị đơn bà L đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia hoà giải, tham gia phiên toà nhưng bà L vắng mặt không lý do cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn cung cấp. Tại phiên toà, bị đơn ông D đồng ý trả cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k, phần bà L trả nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k. Nên xem hợp đồng vay tài sản giữa ông P, bà N và bà L, ông D là sự việc có thật, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bà L, ông D còn nợ ông P, bà N 01 cây vàng 24k đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P, bà N. Ông P, bà N đã đòi nhiều lần nhưng bà L, ông D không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó việc ông P, bà N yêu cầu bà L, ông D có nghĩa vụ trả số vàng vay còn nợ 01 cây vàng 24k là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bà Đỗ Kim L, ông Võ Văn Dũng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn P, bà Lê Thị N số vàng vay còn nợ 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên xét ông D, bà L đã ly hôn theo quyết định số: 309/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2017 của Toà án nhân dân huyện Trà Ôn, về phần nợ chung chưa giải quyết, nên buộc ông D, bà L có nghĩa vụ liên đới theo phần bằng nhau, mỗi người có nghĩa vụ trả ông P, bà N 05 chỉ vàng 24k là phù hợp theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn ông D là ông D, bà L có trả lãi cho nguyên đơn 4.800.000đ. Toà án có thông báo cho bị đơn có yêu cầu phản tố đối với số tiền 4.800.000đ đã trả lãi cho nguyên đơn nhưng bà L, không có văn bản trình bày ý kiến, không yêu cầu và tại phiên toà ông D cũng không yêu cầu cản trừ lãi đã đóng cho nguyên đơn nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tính giá vàng 13.000.000đ/chỉ vàng 24k.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể ông D, bà L có nghĩa vụ liên đới nộp theo phần bằng nhau, mỗi người có nghĩa vụ nộp 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001218 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025).

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn P, bà Lê Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Kim L có nghĩa vụ liên đới theo phần bằng nhau, mỗi người có nghĩa vụ trả ông Võ Văn P và bà Lê Thị N 05 (Năm) chỉ vàng 24k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tính giá vàng 13.000.000đ/chỉ vàng 24k.

Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ nộp 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc bà Đỗ Kim L có nghĩa vụ nộp 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001218 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An

